

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 523/QĐ-CĐSL ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Tên ngành nghề: Giáo dục Mầm non (Early Childhood Teacher Education)

Mã ngành nghề: 51140201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng phải có:

- Có tinh thần và bản lĩnh của người giáo viên nhà trường Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, yêu nước, bản lĩnh chính trị vững vàng, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong sư phạm chuẩn mực của một giáo viên, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh; yêu nghề, yêu quý học sinh.

- Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ A2 (khung ngoại ngữ 6 bậc theo TT số 01/20/2014/ TT- BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của BGDĐT) và công nghệ thông tin cơ bản (CNTT cơ bản theo TT số 03/2014/TT - BTTTT ngày 11/3/2014 của bộ TT và truyền thông) đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non.

- Có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giáo dục đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non, chủ nhiệm lớp, tổ chức lễ hội cho trẻ ở trường Mầm non, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Mầm non. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu vươn lên đáp ứng những nhu cầu đổi mới.

- Có đủ năng lực để làm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại các trường Mầm non; làm việc tại các cơ quan, đơn vị quản lý giáo dục mầm non;

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được mục tiêu, nội dung cấu trúc cơ bản của chương trình giáo dục mầm non và các lĩnh vực phát triển ở Mầm non; Xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ từng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ em trong độ tuổi mầm non theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non; Có khả năng hệ thống hoá kiến thức trong cả cấp học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, cập nhật được những đổi mới trong chương trình Mầm non trong nước và thế giới.

- Xác định được kiến thức cơ bản và chuyên sâu về nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe trẻ em lứa tuổi mầm non (vệ sinh, dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng cộng đồng, phòng bệnh, đảm bảo an toàn cho trẻ); kiến thức về giáo dục trẻ trên các lĩnh vực (phát triển thể chất, phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội); kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng đồ chơi; kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; tổ chức các hoạt động vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh.

- Phân tích được đặc điểm tâm lý, sinh lý của trẻ em lứa tuổi mầm non, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn; vận dụng được những hiểu biết vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Xác định được kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, sử dụng các kiến thức đó để lựa chọn phương pháp giảng dạy, cách ứng xử sư phạm trong giáo dục phù hợp với trẻ em lứa tuổi mầm non; Có kiến thức về giáo dục học, vận dụng có hiệu quả các nội dung, phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các độ tuổi, các loại hình trường lớp mầm non theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non.

- Tham gia học tập, nghiên cứu cơ sở lý luận của việc kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở Mầm non; Tham gia học tập, nghiên cứu các quy định về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non.

- Trình bày được kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

1.2.2. Về kỹ năng

- Lập được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo yêu cầu về thời gian, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ và mục tiêu giáo dục mầm non; soạn được giáo án theo định hướng đổi mới, giải quyết phần lớn các công việc trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non.

- Tổ chức và thực hiện được các hoạt động giáo dục theo hướng phát triển toàn diện trẻ em; tổ chức được giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở các độ tuổi; có khả năng phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ.

- Theo dõi và đánh giá được sự phát triển của trẻ theo từng lứa tuổi trẻ trong các hoạt động giáo dục hàng ngày theo định hướng phát triển toàn diện cho trẻ Mầm non; phòng tránh, phát hiện và xử lý kịp thời các bệnh thường gặp và một số tai nạn thông thường; hướng dẫn trẻ rèn luyện một số thói quen tự phục vụ, thói quen vệ sinh văn minh.

- Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ theo điều kiện cụ thể của nhóm lớp, trường và địa phương.

- Xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ.

- Đánh giá được chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và những nhiệm vụ khác của các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn.

- Xây dựng được mối quan hệ lành mạnh, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ; biết lắng nghe, hiểu được nguyện vọng, nhu cầu của trẻ, đưa ra lời khuyên phù hợp, giáo dục tốt trẻ dân tộc, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Biết giải quyết kịp thời các thông tin phản hồi từ các phía nhà trường, gia đình, xã hội...trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; Giao tiếp ứng xử có văn hoá.

- Vận dụng được khoa học, công nghệ thông tin hiện đại vào nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ; Có khả năng nghiên cứu khoa học: đề tài, dự án, xuất bản được nguồn học liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng.

1.2.3. Thái độ, đạo đức

- Nhận thức đúng tư tưởng chính trị với trách nhiệm của một công dân, một nhà giáo đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chấp hành nghiêm túc pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- Chấp hành nghiêm túc quy chế của ngành, quy định của nhà trường, kỷ luật lao động.

- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; tinh thần đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; sự tin nhiệm của đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng.

- Trung thực trong công tác; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; phục vụ nhân dân và học sinh.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện được ý thức tập thể, đoàn kết phấn đấu vì lợi ích chung, lối sống lành mạnh, cẩn thận, trung thực, liêm khiết.

- Thể hiện được bản lĩnh tự tin, năng động, sáng tạo, khoa học, duy trì nguyên tắc công tác, có khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

- Tự định hướng, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau hoặc môi trường thay đổi; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Đánh giá được chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; hoàn thành nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

1.3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên tại các trường Mầm non công lập, tư thục.
- Tự thành lập trường mầm non tư thục, nhóm trẻ - nhà trẻ tư nhân hợp pháp.
- Làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục như: Sở Giáo dục, Phòng giáo dục.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 46
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 104 tín chỉ
- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng chung: 38 tín chỉ
- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng cơ bản: 20 tín chỉ
- Khối lượng các môn học khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành: 25 tín chỉ
- Khối lượng các môn học khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm: 12 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức thi tốt nghiệp các môn lý luận chính trị: 3 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 65 tín chỉ, thực hành: 39 tín chỉ

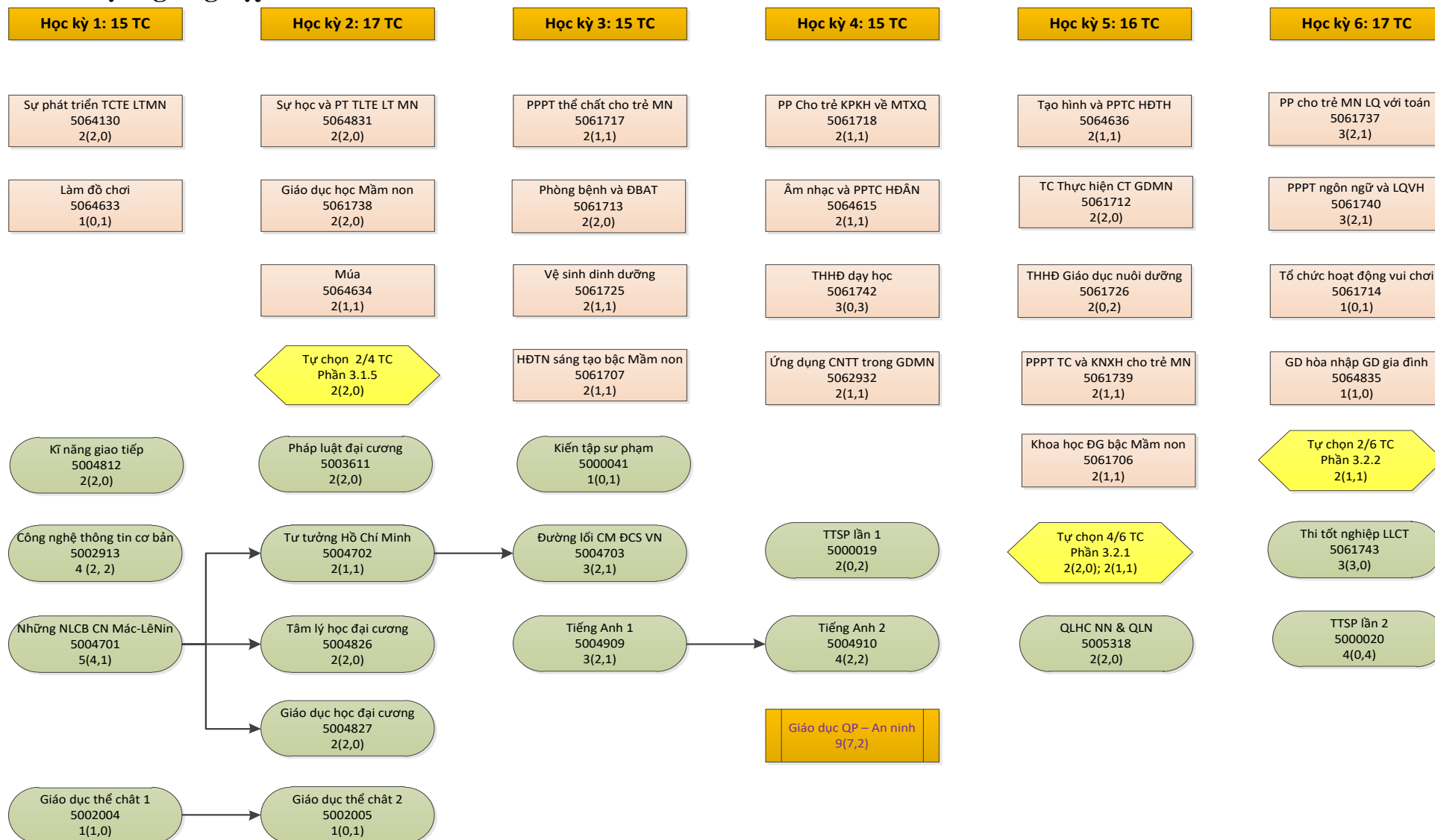
3. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
3.1. Khối kiến thức, kỹ năng chung			38 TC		
* Bắt buộc			36 TC		
3.1.1. Lý luận chính trị			10 TC		
1	5004701	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	4	1
2	5004702	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1
3	5004703	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	2	1
3.1.2. Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh			11 TC		
1	5002004	Giáo dục thể chất 1	1	1	0
2	5002005	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
3	5002114	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	2	2	0
4	5002115	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0
5	5002116	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	3	1	2
6	5002117	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	2	2	0
3.1.3. Ngoại ngữ			7 TC		
1	5004909	Tiếng Anh 1	3	2	1
2	5004910	Tiếng Anh 2	4	2	2
3.1.4. Khoa học xã hội- nhân văn			4 TC		

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
1	5003611	Pháp luật đại cương	2	2	0
2	5004812	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0
3.1.5. Toán, tin học, khoa học tự nhiên, công nghệ, môi trường			4 TC		
1	5002913	Công nghệ thông tin cơ bản	4	2	2
* Tự chọn (2/4 tín chỉ)			2 TC		
1	5064128	Môi trường và con người	2	2	0
2	5065029	Giáo dục môi trường	2	2	0
3.2. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản			63 TC		
3.2.1. Kiến thức, kỹ năng cơ bản của nghề giáo viên			20 TC		
* Bắt buộc			16 TC		
1	5004826	Tâm lý học đại cương	2	2	0
2	5004827	Giáo dục học đại cương	2	2	0
3	5064130	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	2	0
4	5064831	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	2	0
5	5062932	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	2	1	1
6	5061706	Khoa học đánh giá bậc Mầm non	2	1	1
7	5061707	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo bậc Mầm non	2	1	1
8	5005318	Quản lý hành chính NN và quản lý ngành	2	2	0
* Tự chọn (4/6 tín chỉ)			4 TC		
1	5004828	Khoa học phát triển chương trình	2	2	0
2	5004829	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3	5064508	Tiếng Việt thực hành	2	1	1
3.2.2. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành			25 TC		
* Bắt buộc			23 TC		
1	5064633	Làm đồ chơi	1	0	1
2	5064634	Múa	2	1	1
3	5064835	Giáo dục hòa nhập – giáo dục gia đình	1	1	0
4	5061712	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	0
5	5061713	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	2	0
6	5061714	Tổ chức hoạt động vui chơi	1	0	1
7	5064615	Âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	1	1
8	5064636	Tạo hình và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	1	1
9	5061717	Phương pháp phát triển thể chất cho trẻ mầm non	2	1	1

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			TS	LT	TH
10	5061718	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	2	1	1
11	5061725	Vệ sinh dinh dưỡng	2	1	1
12	5061738	Giáo dục học mầm non	2	2	0
13	5061739	Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	2	1	1
* Tự chọn (2/6 tín chỉ)			2 TC		
1	5061721	Các chuyên đề đổi mới giáo dục Mầm non	2	1	1
2	5061722	Cơ sở giáo dục văn hóa cho trẻ mầm non	2	1	1
3	5061723	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2	1	1
3.2.3. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6 TC		
1	5061740	Phương pháp phát triển ngôn ngữ và làm quen văn học	3	2	1
2	5061737	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	3	2	1
3.2.4. Khối kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm			12 TC		
3.2.4.1. Thực hành nghề nghiệp			06 TC		
1	5000041	Kiến tập sư phạm	1	0	1
2	5061726	Thực hành hoạt động giáo dục nuôi dưỡng	2	0	2
3	5061742	Thực hành hoạt động dạy học	3	0	3
3.2.4.2. Thực tập nghề nghiệp			06 TC		
1	5000019	Thực tập sư phạm lần 1	2	0	2
2	5000020	Thực tập sư phạm lần 2	4	0	4
3.2.5 Thi tốt nghiệp các môn lý luận chính trị			3 TC		
1	5061743	Thi tốt nghiệp các môn lý luận chính trị	3	3	0
Tổng cộng:			104	65	39

4. Kế hoạch giảng dạy



5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Khởi kiến thức, kỹ năng chung thực hiện theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học khi có điều kiện học tiếp lên trình độ đại học. Phần kiến thức tự chọn có lợi trong việc mở rộng năng lực hoạt động của người học sau tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu hiện nay.

5.3. Xây dựng chương trình chi tiết các học phần

Trên cơ sở chương trình khung đã ban hành. Khoa xây dựng và quản lý nội dung chương trình chi tiết của từng học phần đảm bảo mục tiêu và đáp ứng chuẩn đầu ra. Cần lưu ý một số điểm sau:

- Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu kiến thức.

- Nội dung của học phần phải phù hợp với mục tiêu chú ý hình thành các phẩm chất và năng lực chung, năng lực chuyên ngành cho người học đảm bảo các thành tố trong mô tả yêu cầu của các phẩm chất, năng lực trong chương trình đào tạo.

- Ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp cho các học phần, cần qui định số tiết tự học cụ thể để sinh viên củng cố kiến thức, hình thành và phát triển năng lực theo hướng dẫn sau:

+ Số lượng tiết tự học, tự nghiên cứu được tính theo nguyên tắc bù vào số tiết giảng dạy trên lớp (cả lý thuyết và thực hành) + số tiết tự học, tự nghiên cứu = số tín chỉ của học phần x 45.

+ Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập củng cố kiến thức, bài thực hành kỹ năng, bài tập tình huống để phát triển năng lực ... (nếu có) của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, hình thành phẩm chất, phát triển năng lực chung và năng lực chuyên ngành cho người học.

- Tất cả các học phần đều phải có giáo trình, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn..., đã in sẵn cung cấp cho sinh viên.

- Giảng viên xác định các phương pháp giảng dạy cụ thể như: thuyết trình tích cực; nêu và giải quyết vấn đề; hướng dẫn thảo luận; thiết kế các dự án học tập; dạy học nghiên cứu trường hợp... Giảng viên tổ chức cho sinh viên tự phát hiện các vấn đề cần giải quyết khi xem các trích đoạn phim, video về dạy học, giáo dục... và qua các tình huống thực tế trong cuộc sống và nghề nghiệp ở cấp học (cả dạy học và giáo dục), từ đó tạo hứng thú, nhu cầu tìm kiếm kiến thức, tìm kiếm thông tin, lựa chọn giải pháp thích hợp để giải quyết vấn đề phát hiện ra một cách hiệu quả, sáng tạo nhất.

- Lịch trình tổ chức dạy học phải khuyến khích người học tự nghiên cứu và tiếp thu kiến thức, làm chủ tri thức, tập chung hướng dẫn sinh viên cách học gắn kiến thức với thực tế công việc của người giáo viên sau này; tạo điều kiện để người học phát huy được tính chủ động, tích cực trong học tập đồng thời tạo điều kiện để

người học lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với kế hoạch học tập riêng của bản thân.

5.4 Định hướng tự chọn các học phần theo hướng chuyên ngành

- Khối kiến thức tự chọn kiến thức, kỹ năng chung: chọn 2/4 tín chỉ.
- Khối kiến thức tự chọn kiến thức, kỹ năng cơ bản: chọn 4/6 tín chỉ.
- Khối kiến thức tự chọn kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: chọn 2/4 tín chỉ.

5.5 Đánh giá kết quả học tập

- Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.